**MỤC LỤC**

[1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN. 1](#_Toc141255835)

[1.1. Thông tin chung về Dự án. 1](#_Toc141255836)

[1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư 2](#_Toc141255837)

[1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan 2](#_Toc141255838)

[2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG. 3](#_Toc141255839)

[2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM: 3](#_Toc141255840)

[2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án 13](#_Toc141255841)

[2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường 14](#_Toc141255842)

[3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM 14](#_Toc141255843)

[4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG 15](#_Toc141255844)

[5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM 16](#_Toc141255845)

[5.1. Thông tin về dự án: 16](#_Toc141255846)

[5.1.1. Thông tin chung 16](#_Toc141255847)

[5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất 17](#_Toc141255848)

[5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 18](#_Toc141255849)

[5.1.4. Các hạng mục nhạy cảm về môi trường 23](#_Toc141255850)

[5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường. 23](#_Toc141255851)

[5.2.1, Giai đoạn thi công 23](#_Toc141255852)

[5.2.2, Giai đoạn vận hành 23](#_Toc141255853)

[5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án. 24](#_Toc141255854)

[5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án 24](#_Toc141255855)

[5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án 25](#_Toc141255856)

[5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án: 26](#_Toc141255857)

[5.4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải 26](#_Toc141255858)

[5.4.1.1 Giai đoạn thi công xây dựng 26](#_Toc141255859)

[5.4.1.2 Giai đoạn vận hành. 26](#_Toc141255860)

[5.4.2.1 Giai đoạn thi công xây dựng: 27](#_Toc141255861)

[5.4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng 27](#_Toc141255862)

[5.4.3.2 Giai đoạn vận hành 28](#_Toc141255863)

[5.4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng 28](#_Toc141255864)

[5.4.4.2 Giai đoạn vận hành dự án 28](#_Toc141255865)

[5.4.5.1 Giai đoạn thi công xây dựng 28](#_Toc141255866)

[5.4.5.2 Giai đoạn vận hành 29](#_Toc141255867)

[5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: 29](#_Toc141255868)

[5.5.1. Giai đoạn xây dựng 29](#_Toc141255869)

[5.5.2 Giai đoạn vận hành 30](#_Toc141255870)

[KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 31](#_Toc141255871)

[1. Kết luận. 31](#_Toc141255872)

[2. Kiến nghị. 32](#_Toc141255873)

[3. Cam kết của chủ dự án đầu tư 32](#_Toc141255874)

# 1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.

## **1.1. Thông tin chung về dự án.**

Nam Định là tỉnh có địa hình tương đối bằng phẳng, chủ yếu là đồng bằng thấp trũng và đồng bằng ven biển, có chiều dài bờ biển 72km và hệ thống sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ chảy qua, mang lại rất nhiều điều kiện thuận lợi trong vận tải đường thủy và phát triển kinh tế biển cho Nam Định.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của tỉnh Nam Định phát triển toàn diện. Tổng sản phẩm GRDP giai đoạn 2015-2020 tăng bình quân 7,9%/ năm, năm 2020 đạt gần 80.000 tỷ đồng, cao hơn so với mức tăng bình quân của giai đoạn 2010-2015 (6,2%/năm). Thu hút đầu tư ước đạt 3,5 tỷ USD vốn đầu tư FDI và trên 32.000 tỷ đồng vốn đầu tư trong nước, tăng rất cao so với giai đoạn 2010-2015.

Huyện Mỹ Lộc nằm ở phía Bắc tỉnh Nam Định, phía Bắc giáp huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, phía Nam giáp thành phố Nam Định, phía Tây giáp huyện Vụ Bản, phía Đông giáp tỉnh Thái Bình ngăn cách bởi sông Hồng. Trên địa bàn huyện có các tuyến đường lớn huyết mạch: Quốc lộ 10, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 21, Quốc lộ 38B, TL485,.. và đường sắt Bắc Nam chạy qua. Về kinh tế, huyện Mỹ Lộc có nhiều thế mạnh từ thế mạnh nội tại và vị trí địa lý, với thế mạnh phát triển may mặc, khu quy hoạch đền Trần đang được đầu tư xây dựng gắn liền với phát triển dịch vụ, du lịch.

Tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc là tuyến đường kết nối quan trọng phục vụ đi lại và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của xã Mỹ Thành cũng như của huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Như vậy khi hình thành tuyến sẽ hình thành mạng lưới giao thông thuận lợi cho nhân dân các xã, nhu cầu đi lại của nhân dân trong vùng.

Hiện trạng tuyến đường được đầu tư từ lâu, các đoạn tuyến đã xuống cấp trầm trọng không đáp ứng nhu cầu đi lại, phát triển kinh tế, xã hội cũng như mong đợi của người dân. Vì vậy việc đầu tư xây dựng tuyến đường là hết sức cần thiết và cấp bách. Tuyến đường được đầu tư hoàn chỉnh sẽ phát huy tối đa hiệu quả sử dụng, góp phần quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội địa bàn huyện, đáp ứng nhu cầu giao thông ngày một tăng, đảm bảo an toàn giao thông, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch tổng thể chung của huyện.

Để giải quyết nhu cầu giao thông tăng cao, UBND tỉnh Nam Định đã phê duyệt chủ trương đầu tư Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc nhằm đảm bảo giao thông đi lại thuận lợi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đồng thời từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Quy mô thực hiện dự án với chiều dài khoảng 650m tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng (có châm trước) và xây dựng các công trình trên tuyến, với tổng mức đầu tư dưới 15,0 tỷ đồng.

Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa 2 vụ với diện tích là 3.362 m2.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30, điểm đ khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và mục số 6 cột 2 phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Dự án có diện tích khoảng 0,34 ha là diện tích đất trồng lúa 02 vụ chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định phê duyệt.

## **1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư**

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

## **1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan**

Dự án được thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

- Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm giai đoan 2021-2025 và kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Mỹ Lộc;

- Căn cứ Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Mỹ Lộc;

- Căn cứ Quyết định số 6423/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND huyện Mỹ Lộc về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc;

- Căn cứ Thông báo số 13/TB-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc;

- Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc;

- Căn cứ Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND huyện Mỹ Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc.

Như vậy, dự án được thực hiện phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Nam Định nói chung cũng như của huyện Mỹ Lộc nói riêng.

# 2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

**2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM:**

***\* Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:***

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường;

- Thông tư số 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

***\* Về lĩnh vực tài nguyên nước.***

- Luật tài nguyên nước 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ: Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định về việc phê duyệt “ Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ”;

- TCXDVN 33:2006 cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế.

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực đất đai.***

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về Đất đai;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật liệu kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 46/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi ( nuôi trồng thủy sản ) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Nam Định áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024;

- Quyết định số 1970/2020/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tình Nam Định về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Văn bản số 254/UBND-VP5 ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng, kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực xây dựng.***

- Luật Xây dựng năm 2014;

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13;

- Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 có hiệu lực từ 01/01/2019;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Nghị định 44/2016 ngày 15/5/2016 về quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 16/10/2016 của Bộ xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

- Quy chuẩn 07-2016/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

***\* Về lĩnh vực phòng cháy chữa cháy***

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9, có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sử đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- TCVN 2622:1995 - Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 3890:2009 - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- TCVN 33:2006/BXD về Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

***\* Về lĩnh vực điện:***

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 3/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP;

- Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai.***

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

- Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

- Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thôn và hạ tầng kỹ thuật khác;

- Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền phê duyêt đề án co thuê quyền khai thác và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Nam Định và các quy đinh pháp lý liên quan.

***\* Các quy chuẩn áp dụng trong báo cáo.***

*- Tiêu chuẩn quy chuẩn thiết kế:*

+ TCXDVN 33:2006: Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 7957-2008: Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài;

+ TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5574-1991: Kết cấu bê tông cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5573-1991: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 205-1998: Móng cọc, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5575-1991: Kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 9206:2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng;

+ QCVN 41:2016/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

+ QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

+ TCVN 2737:1995: Tải trọng và tác động - tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4054:2005- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

+ TCXDVN104:2007- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

+ 22 TCN 211-06- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

*- Quy chuẩn về môi trường:*

+ QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.

### **2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án**

- Căn cứ Thông báo số 13/TB-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc;

- Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc;

- Căn cứ Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND huyện Mỹ Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc.

### **2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường**

- Thuyết minh dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc;

- Các giấy tờ pháp lý liên quan đến dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc;

# 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM

**- Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện và lập ĐTM**

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là việc phân tích, đánh giá, dự báo các tác động môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó (khoản 7 điều 3 của Luật BVMT).

**- Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:**

+ Nghiên cứu dự án: Nghiên cứu dự án khả thi, thuyết minh quy hoạch chi tiết do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát sơ bộ về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Giúp chủ dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

**- Nội dung và cấu trúc:**

Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

# 4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

*Các phương pháp ĐTM:* Báo cáo đánh giá tác động môi trường được nghiên cứu, xây dựng dựa trên các cơ sở dữ liệu tin cậy, chi tiết và sử dụng các phương pháp khoa học, phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

- Phương pháp sử dụng bản đồ (Áp dụng tại chương I của báo cáo): Sử dụng các bản đồ để xác định khu vực thực hiện dự án, các đối tượng xung quanh.

- Phương pháp so sánh: Đánh giá chất lượng môi trường trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn /quy chuẩn môi trường liên quan.

- Phương pháp nhận dạng (Áp dụng tại chương II của báo cáo):

+ Mô tả các thành phần môi trường;

+ Xác định tác động của dự án ảnh hưởng đến môi trường;

+ Nhận dạng đầy đủ các tác động, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

- Phương pháp đánh giá nhanh (Áp dụng tại chương III của báo cáo): Trong quá trình đánh giá còn sử dụng phương pháp đánh giá nhanh dựa vào số liệu phát thải của các chất khí, bụi, tiếng ồn do tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra. Kết quả của phương pháp này có độ tin cậy cao và là cơ sở để đánh giá sơ bộ các nguồn ô nhiễm cũng như các biện pháp giảm thiểu kèm theo.

- Phương pháp lấy mẫu, phân tích hiện trạng môi trường: Phương pháp này nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước mặt, không khí xung quanh tại khu vực dự án. Tập hợp các số liệu đã thu thập và lấy mẫu sau đó phân tích trong phòng thí nghiệm. Quá trình đo đạc, lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm luôn tuân thủ các quy định của Việt Nam. Trên cơ sở các kết quả phân tích, dự báo những tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc so sánh với các Quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành. Kết quả phân tích hiện trạng môi trường được thể hiện trong chương II của báo cáo và đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

- Phương pháp so sánh, đối chứng: Dùng để đánh giá hiện trạng và tác động trên cơ sở so sánh số liệu đo đạc hoặc kết quả tính toán với các giới hạn cho phép trong các QCVN, TCVN còn hiệu lực. Phương pháp này được sử dụng trong chương II, III của báo cáo, trên cơ sở kết quả phân tích, tính toán so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Phương pháp tham vấn cộng đồng: Tiến hành tham vấn, họp với lãnh đạo UBND xã nhằm thu thập thông tin kinh tế xã hội, vệ sinh môi trường khu vực dự án phục vụ cho báo cáo ĐTM tại mục 2.2. điều kiện kinh tế - xã hội tại Chương II và Chương V của báo cáo.

# 5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

## **5.1. Thông tin về dự án:**

### ***5.1.1. Thông tin chung***

- Tên dự án: “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc’’.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Mỹ Lộc.

- Người đại diện: Ông Lê Quang Huy; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mỹ Lộc.

- Người đại diện theo pháp luật của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mỹ Lộc:

Ông Nguyễn Hữa Tiệp; Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án.

### ***5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất***

Dự án “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc’’ với chiều dài khoảng 650m theo tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng (có châm trước) và xây dựng các công trình trên tuyến.

Chiều dài tuyến chính nghiên cứu L=603.81m qua địa phận xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc.

+ Điểm đầu: (Km0+00) đường trục xã Mỹ Thành.

+ Điểm cuối: (Km0+603.81) giao với đường 485B.

Thiết kế đoạn tăng giảm tốc, tổng chiều dài mở làn trên TL485B L= 275.31m.

***\* Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án:***

**- Hiện trạng tuyến chia làm hai đoạn:**

+ Đoạn 1: Từ Km0+00 đến Km0+320 đoạn tuyến đi qua khu dân cư kẹp mương. Đường cũ là đường BTXM được xây dựng từ lâu, chiều rộng mặt đường nhỏ hẹp Bm=3.5m, Bn=8.5-10.5(m).

+ Đoạn 2: Từ Km0+320 đến Km0+603 đoạn tuyến đi qua ruộng kẹp mương, mặt đường còn là đường đất.

**- Hiện trạng công trình trên tuyến:**

+ Cống ngang hiện trạng xây dựng từ lâu đã xuống cấp, khẩu độ nhỏ không đáp ứng yêu cầu tưới tiêu.

+ Mương thoát nước hiện trạng bám dọc theo đường: bên phải tuyến Km0+160 đến Km0+320; L=160m, bên trái tuyến từ Km0+320 –Km0+450, bên phải tuyến từ km0+450-km0+603.

+ Hệ thống thoát nước dọc tuyến: Toàn tuyến chưa có hệ thống thoát nước dọc mặt đường.

**- Hiện trạng nút giao TL485:**

+ Hiện trạng tuyến giao cắt với TL485B vẫn là còn là đường đất. Tuyến đường TL485 đã thi công hoàn thiện xong, hai bên là ruộng lúa. Công trình trên tuyến TL485B hiện có 01 cống hộp Lo=1.5m và 03 cống tròn D1000.

### ***5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án***

***5.1.3.1. Các hạng mục công trình chính***

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc chiều dài l=603.8m tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng (có châm trước) và xây dựng các công trình trên tuyến: hệ thống thoát nước dọc, hệ thống thoát nước ngang đường, kè mái taluy kênh đất và hoàn trả kênh mương bằng kên xây dọc tuyến.

**a, Tuyến thiết kế theo Quy mô cấp V:**

- Đoạn hai bên là khu dân cư :

+ Bnền = 0.84(m rãnh) + 0.55m(đan rãnh bó vỉa) + 5.5m(mặt) + 0.55m(đan rãnh bó vỉa)+ 0.84(m rãnh)= 8.28m.

- Đoạn một bên là khu dân cư, một bên là kênh cứng :

+ Bnền = 0.84(m rãnh) + 0.55m(đan rãnh bó vỉa) + 5.5m(mặt) + 0.55m(đan rãnh bó vỉa)+ 1.00m (hè gia cố)= 8.39m. (phía ngoài hè gia cố bên phải là kênh xây).

- Đoạn một bên là ruộng, một bên là kênh :

+ Bnền = 1m (lề) + 5.5m(mặt) + 1m (lề)= 7.50m.

- Làn tăng giảm tốc dọc đường TL485:

+ Bnền = 3.5m(mặt) + 1m (lề)= 4.5m.

**- Kết cấu mặt đường:**

+ Mặt đường cấp cao A1 (Bê tông nhựa) áp dụng cho các đoạn mở rộng, mặt đường mới và đào xử lý mặt đường cũ:

Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm.

Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn 0.5Kg/m2.

Tưới nhựa thấm bám, tiêu chuẩn 1.0Kg/m2 và té đá mạt

Lớp móng trên CPĐD loại I dày 15cm.

Lớp móng dưới CPĐD loại I dày 25cm.

**- Thiết kế nền đường :**

+ Đối với các đoạn đường cũ chất lượng kém, phần mặt đường mở rộng và mặt đường mới thì đào xử lý nền đất sâu TB 80cm sau đó đắp trả bằng lớp cát dày 30cm đầm chặt K>95 và lớp cát dày 30cm đầm chặt K98, trên cùng sát đáy áo đường bằng đá xô bồ đầm chặt dày 20cm, sau đó rải kết cấu mặt đường mở rộng và làm mới.

+ Nền đường đắp bằng đất đầm chặt K>90 bao ngoài, bên trong được đắp cát đầm chặt K>95. Ta luy đắp 1/1.5. Trước khi đắp đất nền đường phải đào nền đất cấp I phần nền đường lấn ra ruộng lúa; đào bùn phần nền đường lấn ra ao, mương, đắp trả bằng cát đen đầm chặt K90. Đoạn qua ruộng nền đường được rải lớp vải địa không dệt, cường độ kéo đứt F >12 KN/m.

**- Thiết kế nút giao, đường giao :**

+ Thiết kế nút giao với các đường ngang dân sinh:

Các nút giao thiết kế giao bằng, bán kính các nhánh rẽ được thiết kế phù hợp quy mô tiêu chuẩn cấp đường và phù hợp với điều kiện địa hình phạm vi nút giao (trên nguyên tắc hạn chế lấn chiếm giải phóng mặt bằng). Chiều dài thiết kế các nhánh nút đảm bảo vuốt nối êm thuận. Kết cấu mặt đường sử dụng trong nút giao như kết cấu trên tuyến, mặt cắt ngang các nhánh nút thiết kế phù hợp với quy mô các đường giao. Thiết kế hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông, biển báo và cảnh báo giao thông trong nút.

+ Thiết kế các đường giao dân sinh :

Các đường ngang trên tuyến chủ yếu là đường vào làng, đường dân sinh. Các đường ngang này chủ yếu là đường đá dăm nhựa, có một số đường có kết cấu mặt là bê tông xi măng, cấp phối. Tất cả các đường ngang đều được thiết kế vuốt nối với chiều dài khoảng từ 5m-10m, kết cấu vuốt hoàn trả bằng kết cấu nhựa hoặc bê tông.

Độ dốc dọc vuốt nối đường ngang lớn nhất bằng 4%. Tuỳ thuộc vào bề rộng đường ngang dân sinh hiện tại và thực tế địa hình cho phép thiết kế bán kính vuốt nối với mép nền và mặt đường thiết kế mới từ 3-8m.

+ Thiết kế nút giao với TL485B:

Trên tuyến TL485B thiết kế mở rộng thêm 1 làn B=3.5m để làm làn tăng , giảm tốc, kết cấu áo đường theo kết cấu của TL485 (cấp III đồng bằng) E >140Mpa. Kết cấu như sau:

Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm.

Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn 0.5Kg/m2.

Tưới nhựa thấm bám, tiêu chuẩn 1.0Kg/m2 và té đá mạt

Lớp móng trên CPĐD loại I dày 15cm.

Lớp móng dưới CPĐD loại I dày 35cm.

Thiết kế nối dài các cống qua đường trên TL485B theo khẩu độ hiện trạng gồm : 03 cống tròn D1000 và 01 cống hộp Lo=1.5m.

Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

**b, Hệ thống thoát nước dọc**

Đoạn từ Km0+00 – Km0+320, tổng chiều dài khoảng L=452.98m xây rãnh dọc khẩu độ Lo=0.4m (trên hè B400+qua đường B400 chịu lực ) để đảm bảo thoát nước mặt qua khu dân cư. Riêng đoạn qua khu vực hạn chế GPMB được thiết kế rãnh U400 bên dưới đan rãnh+bó vỉa.

Kết cấu rãnh dọc B400: Đá mạt đệm móng dày 7cm, móng rãnh BTXM đổ tại chỗ dày 15cm (qua đường ngang dày 20cm); tường gạch bê tông xây, mũ và tấm đan rãnh BTCT.

Kết cấu rãnh dọc U400: Đá mạt đệm móng dày 7cm, đệm móng rãnh BTXM đổ tại chỗ dày 10cm, thân cống và tấm đan rãnh BTCT lắp ghép.

**c, Hệ thống thoát nước ngang đường**

Cống ngang đường trên tuyến, bề rộng theo bề rộng của nền đường.

**Bảng thống kê cống ngang đường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | | Lý trình Km…+… | | Quy cách thiết kế mới | | Ghi chú | |
| Cống tròn  (D=..mm) | Cống hộp Lo=..m |
| **A** | | **Cống ngang trên tuyến chính** | | | | | |
| 1 | | 0+093 | |  | 0,75 | Nối thông 2 cống dọc | |
| 2 | | 0+154 | |  | 1,2 | Nối thông 2 mương cứng | |
| 3 | | 0+154 | |  | 0,75 | Xây mới cống qua đường ngang | |
| 4 | | 0+296 | |  | 0,75 | Điểm xả cống dọc | |
| 5 | | 0+379 | | 750 |  |  | |
| 6 | | 0+439 | | 750 |  |  | |
| 7 | | 0+470 | |  | 1,2 | Qua đường ngang vào nghĩa trang | |
| 8 | | 0+495 | | 750 |  |  | |
| **B** | | **Cống ngang nối dài trên TL485B** | | | | | |
| 1 | | 12+69.55 | | 1000 |  | Nối dài cống tròn TL485B | |
| 2 | | 12+161.66 | | 1000 |  | Nối dài cống tròn TL485B | |
| 3 | | 12+204.50 | |  | 1,5 | Nối dài cống hộp TL485B | |
| 4 | | 12+267.64 | | 1000 |  | Nối dài cống tròn TL485B | |
| **Tổng hợp:** | | | |  | |
| **TT** | | **Loại cống** | | **Số cống (cái)** | |
| 1 | | Cống tròn D750 | | 3 | |
| 2 | | Cống tròn D1000 nối dài | | 3 | |
| 3 | | Cống hộp Lo=0.75m | | 4 | |
| 4 | | Cống hộp Lo=1,2m | | 2 | |
| 5 | | Cống hộp Lo=1,5m nối dài | | 1 | |

Kết cấu cống tròn D750, D1000: Đá dăm đệm móng dày 10cm, gia cố cọc tre D6-8 dài 2.5m, mật độ 25 cọc/m2, đế cống BTCT lắp ghép, ống cống BTCT L=1m mua sẵn.

Kết cấu cống hộp khẩu độ L0=0.75m, 1.2m và 1.5m: Đá dăm đệm móng dày 10cm, gia cố cọc tre D6-8 dài 2.5m, mật độ 25 cọc/m2, đế cống BTCT lắp ghép, đốt cống BTCT L=1m lắp ghép.

**d. Kè mái taluy phía kênh đất:**

Đoạn từ Km0+469.52 – Km0+579.52, chiều dài khoảng L=110m bên phải tuyến được kè mái taluy bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 dày 30cm, lớp đá dăm đệm dày 10cm; chân khay dạng tường chắn BTXM M200, dưới đệm đá dăm dày 10cm, gia cố cọc tre dài 2.5m/cọc, mật độ 25cọc/ m2.

**e. Hoàn trả mương đất bằng kênh xây dọc tuyến:**

Đoạn từ Km0+158.6 - Km0+467, chiều dài L=306.69m hoàn trả mương đất bằng kênh xây khẩu độ Lo=1.0m; Trong đó : đoạn qua khu dân cư trên hè L=157.35m và đoạn qua đường ngang L=16.14m được thiết kế chịu lực; đoạn còn lại ngoài khu dân cư L=133.2m thiết kế kênh hở.

Kết cấu chung như sau: Đá dăm đệm móng dày 10cm, gia cố cọc tre L=2.0m, mật độ 20 cọc/m2; đế BTCT đổ tại chỗ dày 15cm, đoạn chịu lực đế dày 20cm; tường gạch bê tông xây VXM M75; trát tường dày 2cm VXM M75, giằng BTCM M200 và nắp tấm đan BTCT M250. Cứ 10m/ đơn nguyên, giữa các đơn nguyên chèn bao tải 2 lớp, tẩm nhựa 3 lớp.

***5.1.3.2. Các hoạt động của dự án***

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: phá dỡ công trình trên đất.

- Hoạt động thi công các hạng mục của Dự án:

+ Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc chiều dài l=603.8m tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng (có châm trước) và xây dựng các công trình trên tuyến: hệ thống thoát nước dọc, hệ thống thoát nước ngang - Hoạt động

### ***5.1.4. Các hạng mục nhạy cảm về môi trường***

- Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa 2 vụ với diện tích 3.362 m2.

- Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

## **5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường**.

*5.2.1. Giai đoạn thi công*

- Tác động của bụi và khí thải từ quá trình tạo mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng các hạng mục công trình, khí thải công đoạn hàn xì, ...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường;

- Nước thải xây dựng và nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân thi công;

- Rác thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Các tác động không liên quan đến chất thải bao gồm: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị thi công; tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

- Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai.

*5.2.2. Giai đoạn vận hành*

- Tác động do hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến.

- Tác động do hoạt động duy tu, bảo dưỡng dự án.

- Tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông.

**5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án.**

### ***5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án***

*- Nước thải:*

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 4,8m3/ngày.đêm. Thành phần gồm: TSS; BOD5; COD; Amoni; Nitrat; Sunfua;Photphat; vi khuẩn,….

Nước thải xây dựng: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng phát sinh khoảng 2,5 m3/ngày. Thành phần chủ yếu: TSS,…

- Khí thải: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công, từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, bùn, đất thải. Thành phần khí thải: Bụi, CO, SO2, NOx,..

*- Chất thải rắn thông thường:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân xây dựng với khối lượng khoảng 32 kg/ngày. Thành phần: thực phẩm, thức ăn thừa, giấy vụn, bìa carton, ...

+ Chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, khối lượng phát sinh khoảng 725tấn/quá trình xây dựng. Thành phần: vỏ bao bì, sắt thép, gỗ vụn,..

*- Chất thải rắn nguy hại:*

+ Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng chủ yếu là dầu thải, chất thải nhiễm dầu từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc thi công và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu của dự án. Khối lượng phát sinh: dầu thải khoảng 550 lít; giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì sơn thải khoảng 30 kg; vỏ thùng nhựa đường 2.331 kg.

*- Tiếng ồn, độ rung:*

+ Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện GTVT, máy bơm nước, máy nổ,...

+ Độ rung từ máy đóng cọc, máy cắt kim loại,...quá trình trộn bê tông.

+ Tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

*- Các tác động khác:*

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai.

### ***5.3.2. Giai đoạn vận hành dự án***

*- Nước mưa:*

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt tuyến với thành phần chủ yếu là chất rắn (đất, cát,...) bị cuốn trôi theo. Tải lượng nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 817.000 m3/năm.

*- Khí thải:*

+ Khí thải phát sinh từ các phương tiện cơ giới tham gia giao thông trên tuyến. Thành phần khí thải chủ yếu là bụi, CO, SO2, NOx,..

*- Chất thải :*

+ Phát sinh từ quá trình cắt tỉa cành cây, chăm sóc cây xanh. Khối lượng tùy thuộc vào cấp tuổi của cây.

+ Chất thải như đất, cát, bụi từ việc quét dọn trên đường.

+ Hoạt động của các phương tiện vận tải trong quá trình duy tu bảo dưỡng tuyến đường: CTR sinh hoạt: 4 kg/ngày; CTNH: <5 kg/tháng.

*- Tiếng ồn, độ rung:*

+ Nguồn gây tiếng ồn và độ rung chủ yếu từ hoạt động của người dân trong khu dân cư phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu hành trong khu vực và các vùng lân cận.

*- Các tác động khác:*

+ Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Cháy nổ, do công trình xuống cấp, thiên tai, sự cố,..

## **5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:**

### **5*.4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải***

*5.4.1.1 Giai đoạn thi công xây dựng*

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

*- Đối với nước thải sinh hoạt:* Chủ dự án bố trí 03 nhà vệ sinh di động bằng nhựa composite đặt tại khu vực lán trại; trong 3 nhà vệ sinh lắp đặt 03 bể tự hoại có thể tích lưu chứa 2m3/bể để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng. Hàng ngày hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bùn cặn, nước thải đưa đi xử lý theo quy định.

*- Đối với nước thải thi công, xây dựng:*

Chủ dự án sẽ xây dựng hệ thống rãnh thu, hố thu tạm thời bằng đất tại khu vực bố trí lán trại, ban chỉ huy công trường, bãi vật liệu, kho chứa xi măng, sắt thép. Kích thước rãnh thu (chiều dài x rộng x độ sâu) = 200m x 0,4m x 0,4 m. Nước thải thu gom qua hố ga lắng cặn kích thước: 1,5m x 1,5m x 1,2 m. Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ, thiết bị thi công được thu gom vào hố thu và hàng ngày tái sử dụng cho quá trình phun ẩm khu vực mặt bằng thi công, bùn cặn nạo vét đưa đi xử lý cùng với chất thải từ quá trình thi công xây dựng.

Không bố trí hạng mục rửa xe trên công trường.

Ưu tiên triển khai xây dựng và hoàn thành các công trình hoàn trả kênh, mương, để đảm bảo hoạt động tiêu thoát nước trong khu vực.

*5.4.1.2 Giai đoạn vận hành.*

Các công trình tiêu thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, phải thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, đặc biệt là hệ thống rãnh thoát, hệ thống thu gom, các hố ga lắng phải thường xuyên được duy tu sửa chữa bảo đảm tốt cho việc tiêu thoát nước.

***5.4.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải***

***5.4.2.1 Giai đoạn thi công xây dựng:***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

Các phương tiện vận chuyển nguyên liệu được phủ bạt kín để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường. Công trình xây dựng được bao che bằng tôn cao 2,5m ưu tiên vị trí tiếp giáp với khu dân cư; Thường xuyên phun nước tần suất 2 ngày 1 lần để tưới đường giao thông nhất là vào mùa khô.

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, các loại máy móc theo quy định.

***5.4.2.2 Giai đoạn vận hành***

- Trồng và chăm sóc dải cây xanh hai bên tuyến đường;

***5.4.3. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường***

***5.4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Đối với rác thải sinh hoạt:

+ Bố trí 3 thùng rác thể tích 100 lít/thùng có nắp đậy tại khu vực lán trại, khu vực ban chỉ huy công trường để thu gom rác thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phục vụ dự án.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng ở địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định, định kỳ 1 lần/ngày.

Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với chất thải như gạch vỡ, vữa xi măng,… được thu gom phân loại và vận chuyển đến khu bãi đổ thải của địa phương để san lấp.

+ Các loại sắt thép vụn, bao bì, gỗ... thu gom tái sử dụng hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

***5.4.3.2 Giai đoạn vận hành***

Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc cắt tỉa cành cây trên phạm vi chiều dài tuyến đường. Toàn bộ chất thải phát sinh được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

***5.4.4. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại***

***5.4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng***

- Chủ dự án sẽ bố trí kho chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích 5m2 trên khu vực dự án. Bố trí 01 thùng thể tích 100 lít chứa dầu mỡ thải; bố trí 02 thùng bằng nhựa composite, dung tích 100 lít/thùng chứa (có nắp, có bánh xe để thuận tiện di chuyển, dán nhãn) để chứa giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng. Đối với vỏ thùng chứa nhựa đường được bố trí để ngoài trời và có bạt che phủ.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý khối lượng chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

***5.4.4.2 Giai đoạn vận hành dự án***

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình được đơn vị duy tu mang đi không để lại công trình.

***5.4.5. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.***

***5.4.5.1 Giai đoạn thi công xây dựng***

*- Biện pháp an toàn lao động*: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy về lao động, an toàn lao động, an toàn cháy nổ cho cán bộ, công nhân. Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của thiết bị trước khi đưa thiết bị vào hoạt động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

*- Biện pháp phòng chống cháy nổ:* Công nhân làm việc tại công trường được tập huấn, hướng dẫn các biện pháp phòng chống cháy nổ; Quản lý chặt chẽ các loại nhiên liệu dễ cháy như dầu DO, xăng, …Trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định.

***5.4.5.2 Giai đoạn vận hành***

- Các biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông trong giai đoạn hoạt động bao gồm việc thiết kế, bố trí hệ thống biển báo, chỉ dẫn giao thông và hệ thống chiếu sáng vào ban đêm một cách hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa tai nạn giao thông có thể diễn ra.

- Ngoài ra tổ chức hướng dẫn cách phòng tránh tai nạn giao thông, cách xử lý tai nạn xảy ra và luật lệ giao thông cho người dân đặc biệc là trẻ em khu vực các xã nơi tuyến đường đi qua. Phổ biến, tuyên truyền cho người dân về các biện pháp an toàn giao thông, ý thức bảo vệ các tài sản, công trình trên tuyến như lan can, biển báo, hệ thống chiếu sáng.

## **5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

***5.5.1. Giai đoạn xây dựng***

*\* Quan trắc giám sát môi trường không khí xung quanh.*

- Vị trí giám sát: 02 mẫu không khí xung quanh, ưu tiên vị trí cuối hướng gió gần khu dân cư tại thời điểm thi công xây dựng.

- Tần suất quan trắc giám sát: 06 tháng/lần

- Thông số quan trắc giám sát: Tổng bụi lơ lửng, SO2, NO2, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

*\* Giám sát môi trường nước mặt*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí mẫu nước mặt lấy tại mương tiêu nội đồng (vị trí lấy mẫu tại đoạn tuyến diễn ra hoạt động thi công xây dựng).

- Thông số:pH, TSS, DO, COD, BOD5, Amoni, NO2-, NO3-, Clorua, Phosphat, tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong gian đoạn thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/ BTNMT (cột B1): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

*\* Giám sát vận chuyển, đổ đất, đá, vật liệu thải.*

- Vị trí giám sát: tại bãi đổ thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên

- Nội dung giám sát: khối lượng, tuyến đường vận chuyển; biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình vận chuyển đất đá thải;

- Tần suất giám sát: Giám sát thường xuyên.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

***5.5.2 Giai đoạn vận hành***

Khi dự án đi vào hoạt động nguồn phát sinh khí thải chủ yếu từ các phương tiện lưu thông trên tuyến đường. Mặt khác do bề mặt thoáng lớn của tuyến đường nên khả năng phát tán khí nhanh do đó tác động đến môi trường không đáng kể nên có thể bỏ qua chương trình giám sát môi trường giai đoạn này

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

## **1. Kết luận**

Việc đầu tư xây dựng dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc phù hợp với chiến lược phát triển của địa phương. Bên cạnh đó dự án cũng mang lại hiệu quả xã hội to lớn cho tỉnh Nam Định nói chung và huyện Mỹ Lộc nói riêng.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án có các tác động tiêu cực đến môi trường, đời sống, sức khoẻ của cộng đồng dân cư xung quanh. Để đảm bảo hoạt động của dự án không gây ô nhiễm môi trường, chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Trong nội dung báo cáo đã thể hiện đầy đủ môi trường nền khu vực thực hiện dự án, đánh giá được những tác động môi trường khi dự án được triển khai từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành tương ứng. Các phương pháp đề xuất giảm thiểu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường có tính khả thi cần phải được áp dụng, cũng là cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc giữ gìn môi trường trong sạch.

Những biện pháp xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn,...đề cập trong báo cáo hiện nay đang được sử dụng rộng rãi, hiệu quả cao và chi phí xây dựng, lắp đặt vận hành phù hợp, những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng thể hiện trong báo cáo đảm bảo đạt được hiệu quả cao nhất khi dự án được triển khai.

**2. Kiến nghị**

Kính đề nghị các cơ quan có thẩm quyền sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để dự án được triển khai xây dựng và đưa vào khai thác theo đúng tiến độ.

Chủ dự án đề nghị UBND tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để dự án được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **3. Cam kết của chủ dự án**

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Tôn trọng các giá trị của cộng đồng địa phương và thường xuyên tiến hành trao đổi, tham khảo các ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực dự án.

- Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do các hoạt động của dự án gây ra.

- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung bảo vệ môi trường nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết triển khai thực hiện dự án đúng theo tiến độ đã đề ra để tránh kéo dài, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Liên tục cải tiến các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm thông qua theo dõi giám sát, quan trắc, thanh, kiểm tra, rà soát vào chế độ báo cáo về môi trường. Đảm bảo phát triển bền vững của dự án đối với cộng đồng khu vực thực hiện dự án.

Chủ dự án cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường tương đương khi có thay đổi.